CỤC HC-KT QUÂN KHU 3
BỆNH VIỆN QUÂN Y 7

Số: 389 /BV-D
V/v mua sắm thuốc, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế của Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Công ty cung ứng thuốc, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế.

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Nhà thuốc Bệnh Viện Quân y 7 thông báo đến quý công ty: Công ty có đủ điều kiện theo yêu cầu của Bệnh viện *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)* và có nhu cầu cung ứng thuốc, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế liên hệ Nhà thuốc Bệnh viện Quân y 7 để cung cấp hồ sơ đề nghị xét duyệt cung cấp sản phẩm.

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU HỒ SƠ CUNG CẤP SẢN PHẨM

1. Đơn vị yêu cầu: Nhà thuốc Bệnh viện Quân y 7/Cục Hậu cần-Kỹ thuật Quân khu 3.

2. Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận hồ sơ:

- Nhà thuốc Bệnh viện Quân y 7. Địa chỉ: trong khuôn viên Bệnh viện Quân y 7 - Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Dược sỹ Nhữ Thị Lý. Điện thoại: 0973 210 028
- Email: bvqy7nhathuoc@gmail.com

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 21/4/2025 đến ngày 29/4/2025
Các hồ sơ nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU HỒ SƠ

1. Hồ sơ sản phẩm *(Phụ lục III đính kèm)*.

2. Hình thức hồ sơ gồm: 01 bản cứng bằng tiếng việt có đóng dấu, file scan hồ sơ, file excel (Biểu mẫu 01, Biểu mẫu 02) gửi vào hộp thư email: bvqy7nhathuoc@gmail.com./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, K. Dược. L05.

GIÁM ĐỐC

CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT QK3 * BỆNH VIỆN QUÂN Y 7 *

Đại tá Hoàng Văn Lý

Phụ lục I

DANH MỤC VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA THUỐC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 389/BV-D ngày 18/04/2025 của Bệnh viện Quân y 7)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
1	Phần 1	Adapalene	0,1%,15g	dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp/lọ/ống	4
2	Phần 2	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	Viên	1
3	Phần 3	Acid alpha lipoic	300mg/10ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Ống/lọ	4
4	Phần 4	Acid alpha lipoic	600mg	Uống	Viên nang	Viên	4
5	Phần 5	Acid alpha lipoic	30mg/ml x 20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Ống/lọ	4
6	Phần 6	Acid alpha lipoic	300mg	Uống	Viên	Viên	4
7	Phần 7	Acid alpha lipoic	300mg	Uống	Viên nang	Viên	4
8	Phần 8	Acid amin	Mỗi túi 250 ml chứa: L-Histidin 0,63g, L-Isoleucin 1,4g, L-Leucin 2,2g, L-Lysin (dưới dạng L-Lysin acetat) 1,6g, L-Methionin 2,2g, L-Phenylalanin 2,2g, L-Threonin 1g, L-Tryptophan 0,5g, L-	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	2
9	Phần 9	Acid amin	L-Lysin. HCl. 2H2O 2160mg; L-Methionin 1440mg; L-Threonine 480mg; L-Arginin. HCl 1500mg; L-Histidin. HCl. 2H2O 750mg; Glycin 2235mg; Sorbitol 25000mg/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	2
10	Phần 10	Acid amin + glucose + lipid	(Acid Amin 11,3%+Glucose 11%+Lipid 20%)/480 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	5
11	Phần 11	Acid amin	8% 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	2
12	Phần 12	Adenosine	3mg/ 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4
13	Phần 13	Almagate	1,5g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói/Chai	2

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
14	Phần 14	Almagate	1,5g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói/Chai	4
15	Phần 15	Alpha Chymotrypsin	8400 đơn vị USP	Uống	Viên	Viên	4
16	Phần 16	Ambroxol	15mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	4
17	Phần 17	Amikacin	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
18	Phần 18	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên	4
19	Phần 19	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	1
20	Phần 20	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	5
21	Phần 21	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	5
22	Phần 22	Arginin hydroclorid	400mg	Uống	Viên nang	Viên	4
23	Phần 23	Atorvastatin; Ezetimibe	20mg; 10mg	Uống	Viên	Viên	2
24	Phần 24	Atorvastatin, Ezetimibe	10mg, 10mg	uống	Viên	Viên	4
25	Phần 25	Atropin sulfat	0,25mg	uống	Viên	Viên	4
26	Phần 26	Bismuth subsalicylat	262.5mg	Uống	Viên	Viên	4
27	Phần 27	Budesonide	64mcg/liều xịt, lọ 120 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/Lọ/ống/ hộp/bình	4
28	Phần 28	Calci (dưới dạng calci carbonat 1250 mg) 500mg	500mg	Uống	Viên	Viên	2
29	Phần 29	Cao khô Actiso EP + Cao khô rau đắng đất 8:1 + Cao khô bìm bìm (Hàm lượng acid chlorogenic ≥ 0,8%)	85mg + 64mg + 6,4mg	Uống	Viên	Viên	1
30	Phần 30	Cao khô Actiso EP + Cao khô rau đắng đất 8:1 + Cao khô bìm bìm (Hàm lượng acid chlorogenic ≥ 0,8%)	170mg + 128mg + 13,6mg	Uống	Viên nang	Viên	1

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
31	Phần 31	Cao khô bạch quả (Extractum (Folii) Ginkgonis (bilobae) siccum)	80 mg	Uống	Viên	Viên	4
32	Phần 32	Cao khô cốt toái bổ	280mg	Uống	Viên	Viên	4
33	Phần 33	Cao lá Ginkgo biloba 60mg (tương dương Ginkgo flavoglycosi 14,4mg)	Cao lá Ginkgo biloba 60mg (tương dương Ginkgo flavoglycosi 14,4mg)	Uống	Viên	Viên	1
34	Phần 34	Cefdinir	300mg	Uống	Viên nang	Viên	4
35	Phần 35	Cefoperazon + Sulbactam	1g+1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
36	Phần 36	Cefpodoxim (dưới dạng cefpodoxim proxetil 268,4mg)	200mg	Uống	Viên	Viên	4
37	Phần 37	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxime Axetil)	500mg	Uống	Viên	Viên	1
38	Phần 38	Cefuroxime	500mg	Uống	Viên	Viên	3
39	Phần 39	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang	Viên	5
40	Phần 40	Cetirizin dihydroclorid	10mg	Uống	Viên	Viên	1
41	Phần 41	Citicolin	1000mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	2
42	Phần 42	Citicolin	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	5
43	Phần 43	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri)	1g/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	5
44	Phần 44	Citicoline (dưới dạng Citicoline sodium) 1000mg/4ml	1000mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
45	Phần 45	Citicoline (dưới dạng Citicoline sodium) 500mg/4ml	500mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
46	Phần 46	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	Viên	1
47	Phần 47	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	Viên	3
48	Phần 48	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên	Viên	4
49	Phần 49	Colchicine	1mg	Uống	Viên	Viên	1
50	Phần 50	Curcuminoid	250mg	Uống	Viên nang	Viên	4

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
51	Phần 51	Cytidin-5monophosphat disodium + Uridin	5mg +1,33mg	Uống	Viên nang	viên	1
52	Phần 52	Cytidine-5'- monophosphate disodium (CMP, muối dinatri) 10mg; Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri)+Uridine-5'- diphosphate disodium (UDP, muối natri) + Uridine-5'- monophosphate disodium (UMP, muối natri) 6mg (tương đương Uridine 2,660mg)	10mg + 6mg (tương đương Uridine 2,660mg)	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Ống/lọ	1
53	Phần 53	Cholin alfoscerat	800mg	Uống	Viên nang	Viên	4
54	Phần 54	Cholin alfoscerat	400mg	Uống	Viên	Viên	2
55	Phần 55	Cholin Alfoscerat (dưới dạng Cholin Alfoscerat hydrat)	1g/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4
56	Phần 56	Deferipron	500mg	Uống	Viên	Viên	2
57	Phần 57	Diacerein	50mg	Uống	Viên nang	Viên	1
58	Phần 58	Donepezil hydrochloride	10 mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	1
59	Phần 59	Doxazosin	2mg	Uống	Viên	Viên	2
60	Phần 60	Esomeprazol	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	5
61	Phần 61	Esomeprazol	40 mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	5
62	Phần 62	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	4
63	Phần 63	Esomeprazole	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2
64	Phần 64	Esomeprazole	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Ống/lọ	5

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
65	Phần 65	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên	Viên	4
66	Phần 66	Ezetimibe Atorvastatin	10mg 20mg	Uống	Viên	Viên	4
67	Phần 67	Febuxostat	80mg	uống	Viên	Viên	5
68	Phần 68	Febuxostat	80mg	uống	Viên	Viên	1
69	Phần 69	Febuxostat	80mg	Uống	Viên	Viên	2
70	Phần 70	Flavoxat	200mg	Uống	Viên	Viên	2
71	Phần 71	Fluconazol	2mg/ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	4
72	Phần 72	Fluconazole	150mg	Uống	Viên nang	Viên	1
73	Phần 73	Flunarizin	10mg	Uống	Viên nang	Viên	4
74	Phần 74	Fosfomycin	500mg	Uống	Viên nang	Viên	4
75	Phần 75	Fructose-1,6-Diphosphat Trisodium hydrat	5g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	4
76	Phần 76	Galantamin hydrobromid	5mg	Uống	Viên	viên	1
77	Phần 77	Glucosamin	1500mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	4
78	Phần 78	Glucosamin sulfat kali clorid (tương đương 295,9mg glucosamin) 500mg; Chondroitin sulfat natri (tương đương 315,79mg chondroitin) 400mg	500mg; 400mg	Uống	Viên	Viên	4

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
79	Phần 79	Glucosamine sulfate potassium chloride 500mg tương đương Glucosamine sulfate 375mg tương đương Glucosamine 295mg; Chondroitin sulfate (dưới dạng sụn vây cá mập) 10mg; Cao đặc thân rễ Gừng (Extractum Rhizoma Zingiberis) 5:1 40mg tương đương lượng khô 200mg; Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá (Extractum Cortex Phellodendri amurensis) 5:1 10mg tương đương lượng khô 50mg	Glucosamine sulfate potassium chloride 500mg tương đương Glucosamine sulfate 375mg tương đương Glucosamine 295mg; Chondroitin sulfate (dưới dạng sụn vây cá mập) 10mg; Cao đặc thân rễ Gừng (Extractum Rhizoma Zingiberis) 5:1 40mg tương đương lượng khô 200mg; Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá (Extractum Cortex Phellodendri amurensis) 5:1 10mg tương đương lượng khô 50mg	Uống	Viên nang	Viên	1
80	Phần 80	Glutathion	1200mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/lọ	4
81	Phần 81	Glutathion	1200mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
82	Phần 82	Glutathion	900 mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4
83	Phần 83	Glutathion 600mg	600mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/lọ	4
84	Phần 84	Glutathione	600mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
85	Phần 85	Granisetron	1mg/ 1 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4
86	Phần 86	Cao khô lá bạch quả (tương đương 28,8mg ginkgoflavon glycosid toàn phần) 120mg	120mg	Uống	Viên	Viên	2

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
87	Phần 87	Cao lá Ginkgo biloba 60mg (tương dương Ginkgo flavoglycosi 14,4mg)	60mg	Uống	Viên	Viên	1
88	Phần 88	Ginkgo biloba	120mg	Uống	Viên nang	Viên	2
89	Phần 89	Hỗn hợp các acid amin và vitamin: L-Leucine, L-Isoleucine, Lysine HCl, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Valine, L-Tryptophan, DL-Methionine, Retinol palmitate, Thiamine nitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Pyridoxine HCl, Calcium pantothenate, Cyanocobalamin, Folic acid, Ascorbic acid, Ergocalciferol, Tocopherol acetate 50%	9,15mg + 5,0mg + 25mg + 5,0mg + 5,0mg + 5,0mg + 5,0mg + 9,2mg + 1000 IU + 2,5mg + 1,5mg + 10mg + 5mg +2,5mg + 0,5mcg + 100mcg+ 25mg+ 100 IU + 10mg	Uống	Viên nang	Viên	2
90	Phần 90	Human Albumin	10g/50m1;50ml		Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	1
91	Phần 91	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang	Viên	1
92	Phần 92	L- Citrulline DL-Malate	1000mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	4
93	Phần 93	Lamivudin + tenofovir	300mg + 100mg	Uống	Viên	Viên	4
94	Phần 94	L-Arginin hydroclorid; Thiamin hydroclorid ; Pyridoxin hydroclorid	250mg ;100mg ; 20mg	Uống	Viên	Viên	4
95	Phần 95	Levobupivacain	50mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4
96	Phần 96	Levocarnitine	330mg	Uống	Viên	Viên	4
97	Phần 97	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	5
98	Phần 98	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	1
99	Phần 99	Levofloxacin	5mg/ml; 150ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	5

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
100	Phần 100	Levothyroxin	100 mcg	Uống	Viên	Viên	5
101	Phần 101	Linezolid	2mg/ml; 300ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	1
102	Phần 102	L-Isoleucin+L-leucin+L-valin	952mg+1904mg+1144mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	4
103	Phần 103	L-leucin + L-isoleucin + L-Lysin HCl + L-Phenylalanin + L-threonin + L-valin + L-tryptophan + L-Histidin hydroclorid monohydrat + L-Methionin	320,3mg + 203,9mg + 291mg + 320,3mg + 145,7mg + 233mg + 72,9mg + 216,2mg + 320,3mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	4
104	Phần 104	L-Ornithin - L- Aspartat	450mg	Uống	Viên nang	Viên	4
105	Phần 105	L-ornithin L-aspartat	2,5g/ 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4
106	Phần 106	L-ornithin - L-aspartat	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	4
107	Phần 107	L-ornithin - L-aspartat	500mg	Uống	Viên	Viên	4
108	Phần 108	L-ornithin - L-aspartat	5g/10ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Ống/lọ	4
109	Phần 109	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	800,4mg + 612mg + 80mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	2
110	Phần 110	Meclophenoxat	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	5
111	Phần 111	Mecobalamin	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	2
112	Phần 112	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	1
113	Phần 113	Meloxicam	15mg/1,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	2
114	Phần 114	Meropenem	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	1
115	Phần 115	Mesalamin	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	4
116	Phần 116	Mesalazin	500mg	Uống	Viên	viên	1

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
117	Phần 117	Mometason furoat	0,05g/100g; 18g	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Ống/lọ	1
118	Phần 118	Moxifloxacin	400mg	Uống	Viên	Viên	4
119	Phần 119	Mỗi 118ml dung dịch chứa: Natri dihydrophosphat dihydrat 21,4 g (18,1% (w/v)); Dinatri phosphat dodecahydrat 9,4 g (8,% (w/v))	(21,4g ; 9,4g)/118ml x 133ml	Thụt	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai	4
120	Phần 120	Natri clorid	90mg/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Ống	4
121	Phần 121	Natri clorid	0,9%; 50ml	xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Ống	4
122	Phần 122	Nystatin, Neomycin sulfat, Polymycin B sulfat	100.000IU + 35.000IU + 35.000IU	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	2
123	Phần 123	Ngưu hoàng: Thủy ngưu giác ; Xạ hương: Trân châu ;chu sa: Hùng Hoàng; Hoàng liên ; Hoàng cầm ; Chi tử; Uất kim; Băng phiến	Viên 3g hoàn mềm: 166,67mg; 333,33mg; 41,67mg; 83,33mg: 166,67mg; 166,67mg;166,67mg; 166,67mg; 166,67mg; 166,67mg; 41,67mg.	Uống	Viên hoàn mềm	Viên	4
124	Phần 124	Omeprazol ; Natri hydrocarbonat	40mg; 1100mg	Uống	Viên nang	Viên	4
125	Phần 125	Omeprazol ; Natri hydrocarbonat	20mg ; 1100mg	Uống	Viên nang	Viên	4
126	Phần 126	Ondansetron	4mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	4
127	Phần 127	Olanzapine	5mg	Uống	Viên	Viên	1
128	Phần 128	Panax Notoginseng Saponins	100mg	Uống	Viên nang	Viên	5
129	Phần 129	Pantoprazole	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2
130	Phần 130	Pantoprazole	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
131	Phần 131	Peptides (Cerebrolysin concentrate)	215,2 mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	BDG
132	Phần 132	Piracetam	2000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	2
133	Phần 133	Piracetam	4g/20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	2
134	Phần 134	Pravastatin	20mg	Uống	Viên	Viên	2
135	Phần 135	Pregabalin	75mg	Uống	viên nang	Viên	5
136	Phần 136	Pyridoxin hydroclorid, Thiamine Mononitrate	50mg, 250mg	Uống	Viên	Viên	4
137	Phần 137	Phytomenadion (vitamin K1)	20mg/ml. 2ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/lọ	4
138	Phần 138	Quetiapine	50mg	Uống	Viên	Viên	4
139	Phần 139	Rabeprazol	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Ống/lọ	4
140	Phần 140	Rabeprazol	20 mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	3
141	Phần 141	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên	Viên	1
142	Phần 142	Salicylic acid + betamethason dipropionat	0,64mg/g; 30mg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	5
143	Phần 143	Saponin toàn phần chiết xuất từ rễ tam thất (Panax Notoginseng Saponins)	200mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ/túi	5
144	Phần 144	Silymarin	200mg	Uống	Viên	Viên	4
145	Phần 145	Silymarin	140mg	Uống	Viên	Viên	4
146	Phần 146	Simvastatin + Ezetimibe	20mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	2
147	Phần 147	Sucralfat	1g/15g	Uống	Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch uống	Gói	4
148	Phần 148	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	100mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/lọ	4

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
149	Phần 149	*Túi 3 ngăn 1040 ml chứa: Dung dịch A (Dung dịch Glucose 11,0%); Dung dịch B (Dung dịch acid amin 11,3% và chất điện giải); Nhũ tương C (Nhũ tương lipid 20%)*	Dung dịch A: 639ml; Dung dịch B: 217ml; Nhũ tương C: 184ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	2
150	Phần 150	*Túi 3 ngăn 375 ml chứa: Dung dịch A (Dung dịch Glucose 16,0% có chứa chất điện giải); Dung dịch B (Dung dịch acid amin 8% và chất điện giải); Nhũ tương C (Nhũ tương lipid 20%)*	Dung dịch A: 150ml; Dung dịch B: 150ml; Nhũ tương C: 75ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	2
151	Phần 151	*Túi 3 ngăn 384 ml chứa: Dung dịch A (Dung dịch Glucose 11,0%); Dung dịch B (Dung dịch acid amin 11,3% và chất điện giải); Nhũ tương C (Nhũ tương lipid 20%)*	Dung dịch A: 236ml; Dung dịch B: 80ml; Nhũ tương C: 68ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	2
152	Phần 152	Thiamin mononitrat; Pyridoxin hydrochlorid	250mg, 50mg	Uống	Viên	Viên	4
153	Phần 153	Thymomodulin	120mg	Uống	Viên nang	Viên	4
154	Phần 154	Thymomodulin	80mg	Uống	Viên nang	Viên	4
155	Phần 155	Ubidecarenone (Coenzym Q10) 100 mg	100 mg	Uống	Viên nang	Viên	5
156	Phần 156	Vinpocetin	5mg	Uống	Viên	Viên	1
157	Phần 157	Vitamin E	400mg	Uống	Viên nang	Viên	2

Phụ lục II

DANH MỤC THỰC PHẨM CHỨC NĂNG, THIẾT VỊ Y TẾ MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 389 /BV-D ngày 18 /04/2025 của Bệnh viện Quân y 7)

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	Phần 1	Albumin từ trứng L-Leucine L-Isoleucine L-Valine Vitamin B6 Kẽm Selen	500mg 20mg 10mg 10mg 2,8mg 5mg 15mg	Uống	Viên	Viên
2	Phần 2	Calci citrate Calci carbonate Lithothamne Aquamin TM Magnesi oxide Inulin rau diếp xoăn Vitamin K2 Vitamin D3	140mg 140mg 125mg 40mg 6mg 6mcg 200IU	Uống	Viên	Viên
3	Phần 3	Beta-Glucan chiết xuất từ nấm men (Saccharomyces cerevisiae)	180mg	Uống	Viên	Hộp
4	Phần 4	Sắt Fumarate Vitamin C FOS Kẽm Gluconate Axit folic Vitamin A Đồng Vitamin B12	87,5mg 40mg 225mg 10mg 400mcg 150mcg 0,1mg 2,6mcg	Uống	Viên	Hộp
5	Phần 5	Chiết xuất Bacillus Natto (Chứa 1000FU) Dầu cá chứa EPA Alpha - GPC Vitamin B12	50mg 70mg 5,58mg 5mcg	Uống	Viên	Viên
6	Phần 6	Vitamin C Bột việt quất Vitamin E Lutein Axit béo Omega 3 Kẽm Vitamin B2 Vitamin A Zeaxanthin Axit Folic	100mg 60mg 12mg 10mg 10mg 5mg 1,4mg 800mcg 0,5mg 200mcg	Uống	Viên	Hộp

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
7	Phần 7	Calcium L-Leucine L-Methionine L-Phenylalanine L-Lysine L-Valine Histidine L-Isoleucine L-Threonine L-Trytophan	50,000mg 106,767mg 106,767mg 106,767mg 97,000mg 77,667mg 72,067mg 67,967mg 48,567mg 24,300mg	Uống	Viên	Viên
8	Phần 8	L-Isoleucine Dầu oliu Menthol Pinen Coenzym Q10 Vitamin B6 Menthon Camphen Borneol Anethol Fenchon Cineol	50mg 32mg 32mg 17mg 10mg 6.11mg 6mg 5mg 5mg 4.2mg 4.2mg 2mg	Uống	Viên	Viên
9	Phần 9	Huperzine A	200mcg/ml	Uống	Lọ	Lọ
10	Phần 10	- Glucosamin sulfate kali clorid: - Methylsulfonylmethane - Chiết xuất nhũ hương - Chiết xuất vuốt quỷ - Collagen type 2 - Acerola extract - Hyaluronic acid - Mangan gluconate - Bromelain: - Vitamin D3 (Cholecalciferol):	Glucosamin sulfate kali clorid: 250mg ;Methylsulfonylmethane: 150mg - Chiết xuất nhũ hương: 30mg - Chiết xuất vuốt quỷ: 30mg - Collagen type 2: 20mg - Acerola extract: 20mg - Hyaluronic acid: 5mg - Mangan gluconate: 5mg - Bromelain: 25GDU - Vitamin D3 (Cholecalciferol): 400IU	Uống	Viên nang cứng	hộp

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
11	Phần 11	Glucomannan Chiết xuất dây thìa canh Chiết xuất mướp đắng Alpha Lipoic Acid Kẽm gluconate Magie oxyd Biotin Chronium Chiết xuất giảo cổ lam	Glucomannan : 325mg Chiết xuất dây thìa canh (Gymnema sylvestre) : 100mg Chiết xuất mướp đắng (Momordica charantia) : 50mg Alpha Lipoic Acid : 50mg Kẽm gluconate : 8,8mg Magie oxyd : 5mg Biotin : 500mcg Chronium (từ Chronium chelate) : 500mcg Chiết xuất giảo cổ lam (Gynostemma pentaphylum) : 100mcg	Uống	Viên nang cứng	hộp
12	Phần 12	Canxi Citrate Magie Oxit K2MK7 D3	Canxi Citrate 500mg; Magie Oxit 4mg, K2MK7 25mcg, D3 200UI	Uống	Viên nang mềm	Hộp
13	Phần 13	Dầu cá cô đặc Coenzyme Q10 Lycopene Selen Sáp ong, lecithin, dầu MCT	Dầu cá cô đặc 500mg, Coenzyme Q10 100mg, Lycopene 4000mcg Selen 70mcg, Sáp ong, lecithin, dầu MCT vừa đủ 1 viên	Uống	Viên nang mềm	Hộp
14	Phần 14	Albumin L-Lysin HCl L-Tryptophan L -Arginine L-Valin L-Isoleucin L-threonin L-leucin L-Methionin	Albumin: 500mg L-Lysin HCl : 32,5mg L-Tryptophan: 50mg L -Arginine: 50mg L-Valin: 50mg L-Isoleucin:35mg L-threonin: 27mg L-leucin:15mg L-Methionin:10mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
15	Phần 15	Citicoline Complex Bạch Quả (Ginkgo Biloba) Phosphatidylserine complex	Citicoline Complex : 500mg Bạch Quả (Ginkgo Biloba) : 55mg Phosphatidylserine complex : 50mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp
16	Phần 16	Glutathione (glutathione amino acid) Vitamin B1 Vitamin B2 Vitamin B6 (pyridoxine HCL) Vitamin B9 (Axit Folic) A1Selen (L-Selenomethione)	Glutathione (glutathione amino acid) 500mg, Vitamin B1 (Thiamine mononitrate Img, Vitamin B2 (Riboflavin) 1mg, Vitamin B6 (pyridoxine HCL) 1mg, Vitamin B9 (Axit Folic) 200mcg, Selen (L-Selenomethione) 50mcg	Uống	Viên nang mềm	Hộp
17	Phần 17	Citicoline Complex Bạch Quả (Ginkgo Biloba) Phosphatidylserine complex	Citicoline Complex : 500mg Bạch Quả (Ginkgo Biloba) : 55mg Phosphatidylserine complex : 50mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp
18	Phần 18	Albumin từ trứng L-Leucine L-Isoleucine L-Valine Vitamin B6 Kẽm (Kẽm oxit) Selen (Natri Selenit)	(1000mg + 40mg+ 20mg + 20mg + 5,6mg + 10mg + 30mcg) / 2 viên	Uống	Viên nén	Viên

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
19	Phần 19	Cao Bạch truật 200mg; ImmunebioV (vách tế bào Lactobacillus rhamnosus) 50mg; Cao Sử quân tử 50mg; Dimethylglycine (DMG) 50mg; Cao Hoàng cầm 50mg; Cao Mộc hương 50mg; Kẽm (dưới dạng Zinc gluconate) 1,5mg; Phụ liệu: Cellulose vi tinh thể, magnesium stearate, talc, màng bao opadry AMB white vừa đủ.	Cao Bạch truật 200mg; ImmunebioV (vách tế bào Lactobacillus rhamnosus) 50mg; Cao Sử quân tử 50mg; Dimethylglycine (DMG) 50mg; Cao Hoàng cầm 50mg; Cao Mộc hương 50mg; Kẽm (dưới dạng Zinc gluconate) 1,5mg; Phụ liệu: Cellulose vi tinh thể, magnesium stearate, talc, màng bao opadry AMB white vừa đủ.	Uống	Viên	Hộp
20	Phần 20	Cao Trinh nữ hoàng cung: 200mg; Cao Dành dành: 50mg; Cao Hoàng cầm: 50mg; Cao Bòng bong: 50mg; Cao nụ Tam thất: 35mg; Beta-sitosterol: 25mg; Magnesi (dưới dạng Magnesium chloride): 6,5mg; Kẽm (dưới dạng Zinc acetate): 3,5mg; Phụ liệu: avicel, talc, tinh bột bắp, opadry AMB white vừa đủ	Cao Trinh nữ hoàng cung: 200mg; Cao Dành dành: 50mg; Cao Hoàng cầm: 50mg; Cao Bòng bong: 50mg; Cao nụ Tam thất: 35mg; Beta-sitosterol: 25mg; Magnesi (dưới dạng Magnesium chloride): 6,5mg; Kẽm (dưới dạng Zinc acetate): 3,5mg; Phụ liệu: avicel, talc, tinh bột bắp, opadry AMB white vừa đủ	Uống	Viên	Hộp

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
21	Phần 21	Cao hỗn hợp 435mg (tương đương với Đan sâm 520mg; Dành dành 450mg, Râu mèo 250mg, Mã đề 120mg); Cao hỗn hợp 165mg (tương đương với Hoàng kỳ 375mg, Linh chi đỏ 150mg); Cao Hà thủ ô đỏ 70mg; Cao Đậu đen 70mg; Trầm hương 50mg; Bạch phục linh 50mg; L-Carnitine fumarate 50mg; Coenzym Q10 10mg; Dihydroquercetin (Taxifolin) 5mg; Phụ liệu: Cellulose vi tinh thể, talc, magnesi stearate, polyvinyl alcohol, titanium dioxide vừa đủ.	Cao hỗn hợp 435mg (tương đương với Đan sâm 520mg; Dành dành 450mg, Râu mèo 250mg, Mã đề 120mg); Cao hỗn hợp 165mg (tương đương với Hoàng kỳ 375mg, Linh chi đỏ 150mg); Cao Hà thủ ô đỏ 70mg; Cao Đậu đen 70mg; Trầm hương 50mg; Bạch phục linh 50mg; L-Carnitine fumarate 50mg; Coenzym Q10 10mg; Dihydroquercetin (Taxifolin) 5mg; Phụ liệu: Cellulose vi tinh thể, talc, magnesi stearate, polyvinyl alcohol, titanium dioxide vừa đủ.	Uống	Viên	Hộp
22	Phần 22	Hải tảo 120mg, Cao khổ sâm 40mg, Cao bán biên liên 40mg, Cao ba chạc 25mg, Cao neem 20mg, Magiê 11mg, Kali iodua 20mcg	Hải tảo 120mg, Cao khổ sâm 40mg, Cao bán biên liên 40mg, Cao ba chạc 25mg, Cao neem 20mg, Magiê 11mg, Kali iodua 20mcg	Uống	Viên	Hộp
23	Phần 23	Purifier Water (Nước tinh khiết), Propylene glycol, Acid citric (Citric acid), Chitosan, Glycerin, Hydroxyethyl cellulose, Azadirachta indica extract (Chiết xuất Neem), Zinc salicylate (Kẽm salicylat), Methylparaben (Nipagin), Propylparaben (Nipasol), Nano Silver (Nano bạc)	Purifier Water (Nước tinh khiết), Propylene glycol, Acid citric (Citric acid), Chitosan, Glycerin, Hydroxyethyl cellulose, Azadirachta indica extract (Chiết xuất Neem), Zinc salicylate (Kẽm salicylat), Methylparaben (Nipagin), Propylparaben (Nipasol), Nano Silver (Nano bạc)	Uống	Viên	Hộp

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
24	Phần 24	Cao Câu đằng 30mg (tương đương 150mg dược liệu), Cao Thiên ma 25 mg(tương đương 100mg dược liệu), Cao Hà thủ ô đỏ 15mg (tương đương 75mg dược liệu), Cao Câu kỷ tử 15mg (tương đương 50mg dược liệu), Mẫu lệ 15mg , Cao Đinh lăng 10mg (tương đương 60mg dược liệu), Cao Xa sàng tử 10mg (tương đương 75mg dược liệu), Cao Nhục thung dung 10mg (tương đương 105mg dược liệu), Alpha Lipoic Acid 10mg , L-Carnitine furmarate 10mg , Magiê (dưới dạng Magnesium lactate10mg , Talc 40mg)	Cao Câu đằng 30mg (tương đương 150mg dược liệu), Cao Thiên ma 25 mg(tương đương 100mg dược liệu), Cao Hà thủ ô đỏ 15mg (tương đương 75mg dược liệu), Cao Câu kỷ tử 15mg (tương đương 50mg dược liệu), Mẫu lệ 15mg , Cao Đinh lăng 10mg (tương đương 60mg dược liệu), Cao Xa sàng tử 10mg (tương đương 75mg dược liệu), Cao Nhục thung dung 10mg (tương đương 105mg dược liệu), Alpha Lipoic Acid 10mg , L-Carnitine furmarate 10mg , Magiê (dưới dạng Magnesium lactate10mg , Talc 40mg)	Uống	Viên	Hộp
25	Phần 25	Cao Bạch Tật Lê 75mg ; Cao Chi Tử 75mg ; Cao trinh nữ hoàng cung 50mg ; Cao Hoàng Cầm 50mg ; Soy Isoflavones 50mg ; L-Arginine 50mg ; Chiết xuất hạt bí ngô 30mg ; Kẽm 3.8mg ; Iod 150mcg	Cao Bạch Tật Lê 75mg ; Cao Chi Tử 75mg ; Cao trinh nữ hoàng cung 50mg ; Cao Hoàng Cầm 50mg ; Soy Isoflavones 50mg ; L-Arginine 50mg ; Chiết xuất hạt bí ngô 30mg ; Kẽm 3.8mg ; Iod 150mcg	Uống	Viên	Hộp

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
26	Phần 26	Lunatumo (soy protein chứa Lunasin, Cao khổ sâm Bắc, chiết xuất Cỏ xạ Hương (Thyme)) 250mg; Cao Hoàng Kỳ 120mg (tương đương 295mg dược liệu); Cao Bán chi liên 70mg (tương đương 370mg dược liệu); Cao Bồ Công Anh (tương đương 315mg dược liệu); Cao Cọ Xẻ (Quy Ô tử) 50mg (tương đương 550mg dược liệu); Cao Quả Khế 50mg (tương đương 70mg dược liệu); Cao Mạch chủ (candied jujube) 50mg (tương đương 70mg dược liệu); Phụ liệu: Lactose, chất chống đông vón magnesium stearate, chất tạo màng bao polyvinyl alcohol, chất màu tổng hợp titanium dioxide vừa đủ	Lunatumo (soy protein chứa Lunasin, Cao khổ sâm Bắc, chiết xuất Cỏ xạ Hương (Thyme)) 250mg; Cao Hoàng Kỳ 120mg (tương đương 295mg dược liệu); Cao Bán chi liên 70mg (tương đương 370mg dược liệu); Cao Bồ Công Anh (tương đương 315mg dược liệu); Cao Cọ Xẻ (Quy Ô tử) 50mg (tương đương 550mg dược liệu); Cao Quả Khế 50mg (tương đương 70mg dược liệu); Cao Mạch chủ (candied jujube) 50mg (tương đương 70mg dược liệu); Phụ liệu: Lactose, chất chống đông vón magnesium stearate, chất tạo màng bao polyvinyl alcohol, chất màu tổng hợp titanium	Uống	Viên	Hộp
27	Phần 27	Cao Ba kích 85mg (tương đương 470mg dược liệu), Cao Nhàu 85mg (tương đương 325mg dược liệu), Cao Nhọ nồi 75mg (tương đương 485mg dược liệu), Cao Thổ phục linh 75mg (tương đương 360mg dược liệu), Cao Trạch tả 70mg (tương đương 315mg dược liệu), Cao Hạ khô thảo 65mg (tương đương 340mg dược liệu), Cao Hoàng bá 55mg (tương đương 360mg dược liệu), Phụ liệu: Magnesium stearate, Tinh bột bắp.. vừa đủ	Cao Ba kích 85mg (tương đương 470mg dược liệu), Cao Nhàu 85mg (tương đương 325mg dược liệu), Cao Nhọ nồi 75mg (tương đương 485mg dược liệu), Cao Thổ phục linh 75mg (tương đương 360mg dược liệu), Cao Trạch tả 70mg (tương đương 315mg dược liệu), Cao Hạ khô thảo 65mg (tương đương 340mg dược liệu), Cao Hoàng bá 55mg (tương đương 360mg dược liệu), Phụ liệu: Magnesium stearate, Tinh bột bắp.. vừa đủ	Uống	Viên	Hộp
28	Phần 28	Coenzyme Q10 , Vitamin E :	300mg, 10IU	Uống	Viên nang	Viên

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
29	Phần 29	Nano Cucumin , Thymomodulin , Bioperine , Tam thất , Xạ đen	200mg, 30mg, 0,5mg ,60mg, Xạ đen 80mg	Uống	Viên nang	Viên
30	Phần 30	L-Leucin , L- Methionin ,L-Phenylalanin ,L-Lysin HCI , L-valin , L-Histidin hydroclorid monohydrat , L-isoleucin, L-threonin , L-tryptophan.	323mg, 321mg, 320mg,291mg, 233mg, 218mg, 205mg, 145mg, 73mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
31	Phần 31	Glucosamin , MSM , calcium gluconat, chondroitin, collagen type II , Bromelain, HA , D3, K2.	450mg, 200mg,120mg, 76,9mg, 15mg, 20mg, 20mg, 400IU, 0.2% 50mcg	Uống	Viên nang	Viên
32	Phần 32	Lá hen, Trần bì, Cam sũng, Tang bạch bì, Cam thảo, N- acetyl cysteine.	1140mg, 720mg, 720mg, 720mg, 360mg, 200mg	Uống	Viên nang	Viên
33	Phần 33	Cao Bạch Qủa ; Cao đinh lăng ; Cao lạc tiên ; Rutin ; Cao đan sâm ; Acid glutamic ; Nattokinase ; Citicolin ; VTM B1 ; VTM B6 .	120mg; 120mg; 50mg; 50mg; 30mg; 30mg; 300FU; 5mg; 2mg; 2mg...	Uống	Viên nang	Viên
34	Phần 34	Dây thìa canh ; Giảo cổ lam ; Bạch phục linh ; Ngũ vị tử ; Sinh địa ; Mạch môn ; Bạch cương tằm ; Thiên hoa phấn ; Khổ Qua ; Ngổ trâu; Acid Lipoic ; Quercein	600mg;600mg; 360mg; 300mg; 300mg; 240mg; 180mg; 150mg; 120mg; 60mg; 50mg; 10mg	Uống	Viên nang	Viên
35	Phần 35	Thymomodulin ; Betaglucan 80%	100mg ; 100mg.	Uống	Viên nang	Viên
36	Phần 36	Calcium ; Magnesium ; Vitamin K2; Vitamin D3:	400 mg; 187,5mg; 75 mcg; 5 mcg	Uống	Viên nang	Viên
37	Phần 37	Albumin , Collagen Peptid , L-Arginine , L- angoine , DHA , L-cystin , L-Methionine , L-Alanine , RNA	500mg, 120mg, 54mg, 30mg, 25mg, 22mg, 20mg, 18mg, 14mg	Uống	Viên	Viên
38	Phần 38	Phosphatidylserine ; Magnesium (Magnesium oxide) ; Coenzyme Q10 (ubiquinone) , Resveratrol ; Vitamin B2 (Riboflavin) ; Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride) ; Vitamin B12	100mg; 60mg; 10mg, 5mg; 1,4mg; 1,4mg; 2,5mcg	Uống	Viên nang	Viên

STT	Mã sản phẩm	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
39	Phần 39	Albumin từ trứng 1000mg/ 2 viên L-Leucine 40mg/ 2 viên L-Isoleucine 20mg/ 2 viên L-Valine 20mg/ 2 viên Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5,6mg/ 2 viên Kẽm (Kẽm oxit) 10mg/ 2 viên Selen (Natri Selenit) 30mcg/ 2 viên	(1000mg + 40mg+ 20mg + 20mg + 5,6mg + 10mg + 30mcg) / 2 viên	Uống	Viên	Viên
40	Phần 40	Taurine	4%; 0,4ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	ống
41	Phần 41	Albumin - L-Lysin HCl -L-threonin -L-Methionin -L-Arginine -L-valin -L-isoleucin -L-tryptophan -L-leucin - Magie (Magnesium stearate)	500 mg 50 mg 50 mg 50 mg 35mg 32,5 mg 27 mg 15 mg 10 mg 6,5 mg	Uống	Viên	Viên
42	Phần 42	Xylo-oligosaccharides, Protein đậu nành (Pea Protein), Polysaccharide chiết xuất từ hạt me (Tamarind seed polysaccharide (Xyloglucan)), Chiết xuất hạt nho (Grape Seed Extract)	Xylo-oligosaccharides 210,6 mg, Protein đậu nành (Pea Protein) 175 mg, Polysaccharide chiết xuất từ hạt me (Tamarind seed polysaccharide (Xyloglucan)) 100 mg, Chiết xuất hạt nho (Grape Seed Extract 75 mg)	Uống	Viên	Viên

Phụ lục III

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT DUYỆT THUỐC, THỰC PHẨM CHỨC NĂNG, THIẾT BỊ Y TẾ TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2025

((Kèm theo Công văn số 389 /BV-D ngày 18 /04/2025 của Bệnh viện Quân y 7)

Nhằm đảm bảo quy định mua sắm trên cơ sở công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình theo quy định của luật số 57/2024/QH15, Nhà thuốc bệnh viện quy định hồ sơ đề nghị xét duyệt cung cấp thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thiết bị y tế vào Nhà thuốc Bệnh viện phải có các loại giấy tờ sau:

1. Bảng chào giá: Theo Biểu mẫu 01 (*áp dụng với thuốc*), Biểu mẫu 02 (*áp dụng cho thực phẩm chức năng và thiết bị y tế).*

2. Bản cam kết: Theo Biểu mẫu 03

3. Tư cách pháp nhân của công ty (Sao y công chứng nhà nước không quá 6 tháng)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản chụp thông tin ngành nghề kinh doanh: Phạm vi kinh doanh phù hợp với mặt hàng cung ứng tại Bệnh viện;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc;
- Giấy chứng nhận đạt thực hành tốt phân phối thuốc (GDP);
- Chứng chỉ hành nghề dược của người phụ trách chuyên môn.

4. Tính hợp lệ của sản phẩm (Bản sao có đóng dấu của công ty)

4.1. Đối với thuốc

1- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ Quyết định công bố giấy phép lưu hành/ giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan.

2- Mẫu nhãn, Hướng dẫn sử dụng được Cục quản lý Dược phê duyệt mới nhất.

3- Kết quả trúng thầu đăng tải mới nhất còn hiệu lực (tối thiểu 03 tháng) của Bệnh viện tuyến tỉnh trở lên (Quyết định hoặc thông báo trúng thầu + Hợp đồng mua sắm thuốc bản sao).

4- Văn bản không thực hiện cung ứng sản phẩm cho Nhà thuốc Bệnh viện và đồng ý cho công ty cung ứng của nhà thầu đã trúng thầu (trường hợp kết quả đấu thầu không phải của công ty).

5- Hóa đơn cung cấp cho các đơn vị khác trong 06 tháng (nếu có): Ưu tiên hóa đơn cung ứng cho các bệnh viện.

4.2. Đối với thực phẩm chức năng và thiết bị y tế

1- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ Quyết định công bố giấy phép lưu hành/ giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan.

2- Kết quả trúng thầu đăng tải mới nhất còn hiệu lực (nếu có) của cơ sở y tế (Quyết định hoặc thông báo trúng thầu + Hợp đồng mua sắm thuốc bản sao).

3- Mẫu nhãn, Hướng dẫn sử dụng được phê duyệt mới nhất.

4- Hóa đơn hoặc hợp đồng cung cấp cho các đơn vị khác trong 06 tháng (nếu có): Ưu tiên hóa đơn hoặc hợp đồng cung ứng cho các bệnh viện.

Sắp xếp hồ sơ theo thứ tự như trên.

Biểu mẫu 01

Tên công ty:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

BẢNG CHÀO GIÁ THUỐC

Kính gửi: Nhà thuốc Bệnh viện Quân y 7

STT	Mã thuốc tại Thông báo của Bệnh viện	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đa bao gồm VAT)
	Cộng:													

Bảng chào giá có hiệu lực.....ngày kể từ ngày ký.
Giá chào đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các loại thuế phí, lệ phí (nếu có).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 02

Tên công ty:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

BẢNG CHÀO GIÁ SẢN PHẨM

Kính gửi: Nhà thuốc Bệnh viện Quân y 7

STT	Mã sản phẩm tại Thông báo của Bệnh viện	Tên sản phẩm	Tên thành phần sản phẩm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đa bao gồm VAT)
	Cộng:												

Bảng chào giá có hiệu lực..... ngày kể từ ngày ký.
Giá chào đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các loại thuế phí, lệ phí (nếu có).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ..... năm 2025

BẢN CAM KẾT

Công ty..... .....trân trọng gửi bảng chào giá Nhà thuốc Bệnh viện Quân y 7 và xin cam kết các điều sau:

Cam kết giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của nhà thuốc (bằng điện thoại, fax, email...).

Cam kết giá các mặt hàng bán cho Nhà thuốc Bệnh viện là giá thấp nhất công ty cung ứng trên thị trường. Đối với thuốc có trong danh mục đấu thầu của chính Bệnh viện, giá thuốc của công ty bán cho Nhà thuốc không được cao hơn giá thuốc trúng thầu tại cùng thời điểm. Đối với thuốc thuộc danh mục đàm phán giá giá bán không được cao hơn giá đàm phán kể từ khi kết quả đàm phán giá có hiệu lực.

Công ty cam kết tuân thủ các quy định kê khai, kê khai lại hoặc công bố, công bố lại giá bán buôn theo quy định của luật hiện hành.

Cam kết về hạn sử dụng còn lại của các mặt hàng tính từ thời điểm cung ứng cho Nhà thuốc phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng.

Cam kết thu hồi các sản phẩm trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của nhà thuốc.

Cam kết sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan Quản lý nhà nước. Nhãn theo đúng quy chế nhãn, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt. Cam kết sau 02 tháng nếu hàng không bán được thì công ty phải mua lại toàn bộ số lượng hàng với giá bán ra của nhà thuốc./.

Đại diện hợp pháp của công ty
(ký tên, ghi rõ họ tên)